

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Địa chỉ: Số 32 - Phan Đăng Lưu - Tp. Vinh
Điện thoại: 02383-8668118
Website: www.nawasco.com.vn

————— THÁNG 4/2023 —————

Số: 121/BC-CNNA

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
NĂM 2022**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2006 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 9 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 373.859.830.000 đồng
(*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba tỷ tám trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 379.888.241.029 đồng
- Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Thi, thành phố Vinh, Nghệ An, Việt Nam.
- Số điện thoại: 02388.668.118
- Số fax: 02388.668.118
- Website: www.nawasco.com.vn
- Mã cổ phiếu: NAW
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An tiền thân là Nhà máy nước Vinh được thành lập từ năm 1957. Công ty ban đầu chỉ có một cơ sở sản xuất với công suất nhỏ để cung cấp nước sạch cho khu vực trung tâm Thành phố Vinh.

Ngày 15/03/1995, UBND tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 590 UB-QĐ ngày 15/03/1995 về việc đổi tên Nhà máy nước Vinh thành Công ty Cấp nước Nghệ An.

Ngày 20/01/2006, UBND tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 315/QĐ-UBND-ĐMDN về việc chuyển đổi Công ty cấp nước Nghệ An thành Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An.

Ngày 12/11/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đã có Quyết định số 5333/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Nghệ An. Qua đó công ty đổi thành Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An với số vốn điều lệ ban đầu là 295.622.070.000 đồng (*Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai*

hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó số cổ phần nhà nước tại công ty là 51% vốn điều lệ.

Kể từ ngày 05/01/2017, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240 thay đổi lần 4, chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ đăng ký là 295.622.070.000 đồng.

Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 07/9/2018 tăng số vốn điều lệ 295.622.070.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) lên thành 373.859.830.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 11/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 7838/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An. Trong đó số cổ phần nhà nước tại công ty là 38,05% vốn điều lệ.

Quá trình phát triển:

- Công ty quản lý và vận hành 11 hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh, với công suất 124.000 m³/ngày đêm, cụ thể:

+ Hệ thống cấp nước Vinh và vùng phụ cận, có công suất bình quân 94.000 m³/ngày đêm, trong đó: Nhà máy nước Hưng Vĩnh 40.000 m³/ngày đêm, công nghệ và thiết bị chính, do hãng Wabag (Châu Âu) cung cấp; Nhà máy nước Cầu Bạch 20.000m³/ngày đêm, công nghệ và thiết bị chính, do hãng Econet (Châu Âu) cung cấp; Nhà máy nước Hưng Nguyên có 2 dây chuyền xử lý nước: Dây chuyền 1: 29.000m³/ngày đêm công nghệ và thiết bị chính, do hãng Leopold (Mỹ) cung cấp; Dây chuyền 2: 5.000 m³/ngày đêm, công nghệ Châu Âu, xuất xứ Việt Nam.

+ Hệ thống cấp nước các huyện (gồm 10 hệ thống), có công suất bình quân 30.000 m³/ngày đêm, trong đó: Hệ thống cấp nước Nam Đàn 10.000m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Đô Lương 10.000m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Anh Sơn 2.000m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Quỳnh Châu 2.000m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Quỳnh Hợp 1.500m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Tân Kỳ 1.000 m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Thanh Chương 1.000 m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Con Cuông 1.000 m³/ngày đêm; Hệ thống cấp nước Kỳ Sơn 500m³/ngày đêm và Hệ thống cấp nước Tương Dương 1.000m³/ngày đêm.

- Về khách hàng: Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với số lượng khoảng 137.500 khách hàng.

- Về chiều dài mạng đường ống: Tổng chiều dài mạng đường ống của 11 hệ thống cấp nước là 1.738 km, trong đó:

+ Mạng đường ống cấp nước ở thành phố Vinh và vùng phụ cận, có tổng chiều dài là 1.425 km, được xây dựng trong nhiều giai đoạn khác nhau bắt đầu từ năm 1957, hàng năm có bổ sung và thay thế. Về vật liệu đường ống, có các chủng loại, gồm: ống thép đen; ống thép mạ kẽm; ống uPVC; ống gang xám; ống gang dẻo; ống HDPE; ống PPR; ống nhựa COMPOSITE cốt sợi thủy tinh..... Trên hệ thống mạng đường ống, hiện còn khoảng hơn 200 km lắp đặt từ năm 1957 đến 2005 đã cũ nát, xuống cấp, cần phải sửa chữa, cải tạo và thay thế.

+ Mạng đường ống ở 10 huyện gồm: Nam Đàn; Đô Lương; Anh Sơn; Quỳnh Châu;

Quỳ Hợp; Tân Kỳ; Thanh Chương; Con Cuông; Kỳ Sơn và Tương Dương có chiều dài 313 km, được xây dựng trong nhiều giai đoạn khác nhau bắt đầu từ năm 2000, hàng năm có bổ sung và thay thế. Về vật liệu đường ống, có các chủng loại, gồm: ống thép đen; ống thép mạ kẽm; ống uPVC; ống gang dẻo; ống HDPE; ống PPR; Trên hệ thống mạng đường ống, hiện còn khoảng hơn 100 km lắp đặt từ năm 2000 đã cũ nát, xuống cấp, cần phải sửa chữa, cải tạo và thay thế.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Công ty luôn tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nước sạch; xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý khách hàng; phần mềm quản lý hoạt động xây lắp; phần mềm quản lý vật tư....; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc ghi chỉ số và thu tiền sử dụng nước của khách hàng bằng thiết bị di động; Tăng cường vận động khách hàng thanh toán tiền sử dụng nước không tiền mặt; Công ty liên kết với các ngân hàng, ví điện tử và các ứng dụng khác để thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền sử dụng nước.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty:

Công ty thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 07/9/2018 tăng số vốn điều lệ từ 295.622.070.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) lên thành 373.859.830.000 đồng (Ba trăm bảy mươi ba tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế, thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình cấp thoát nước)	7410
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Công trình công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp)	4390
3	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
5	Hoạt động tư vấn quản lý (Lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu và quản lý dự án công trình cấp thoát nước)	7020
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất cùng chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở chung cư, dịch vụ quản lý chung cư và cao ốc văn phòng)	6810
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước)	7110
8	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu chuyên ngành cấp thoát nước	2599
9	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước uống)	3600 (Chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
	đóng chai)	
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Mua bán vật liệu xây dựng và vật tư thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước)	4752
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Lắp đặt hệ thống phòng, chữa cháy, trụ cứu hỏa)	4329
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước	4663
14	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16	Xây dựng công trình điện	4221
17	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18	Xây dựng công trình thủy	4291
19	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22	Xây dựng nhà để ở	4101
23	Xây dựng nhà không để ở	4102
24	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị

+ Ban kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc

- Cơ cấu bộ máy quản lý

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 phó chủ tịch HĐQT và 01 thành viên HĐQT.

+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS.

+ Ban Tổng giám đốc: 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 trợ lý

Tổng giám đốc.

+ 04 Phòng trực thuộc: - Phòng Tổ chức - Hành chính.

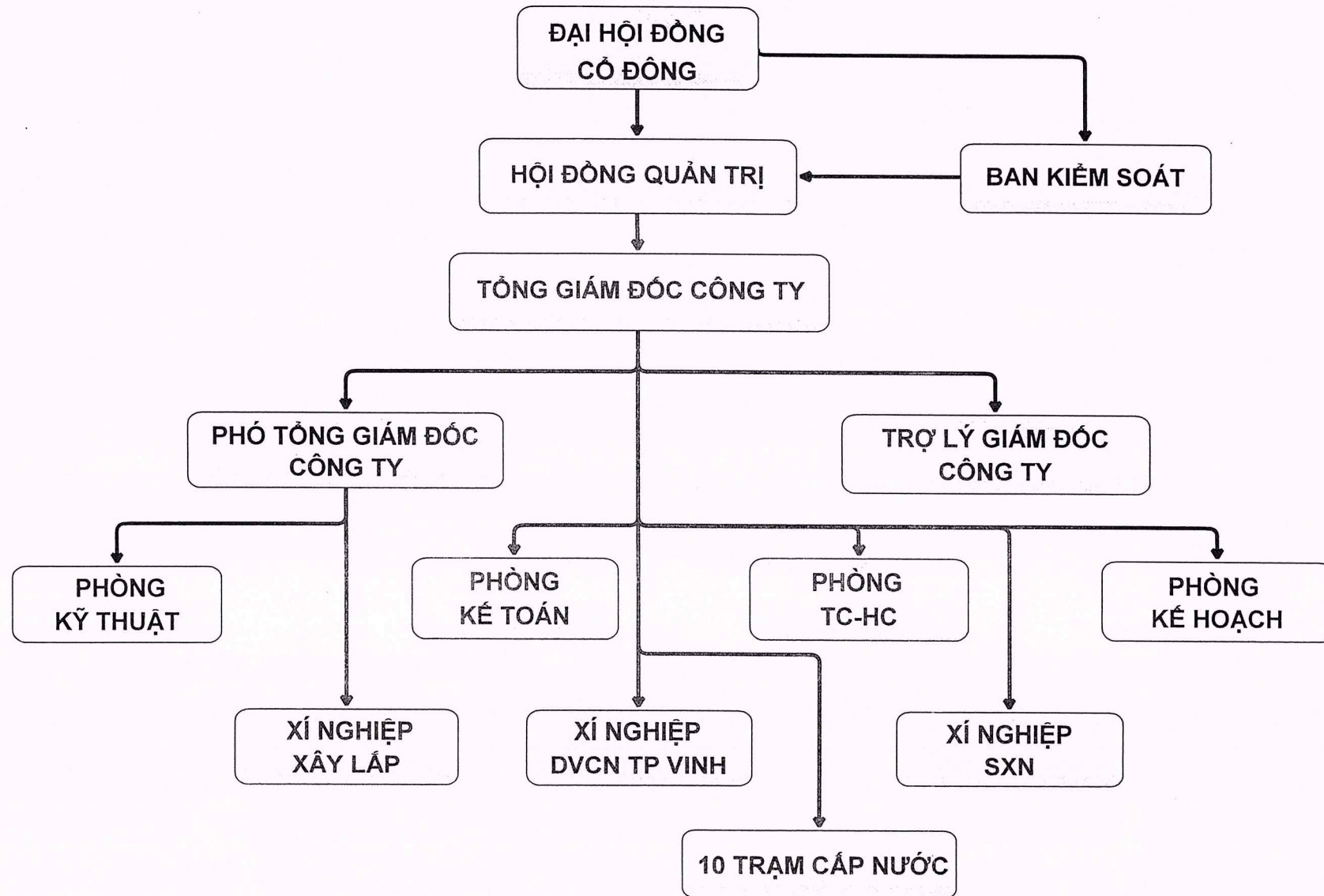
- Phòng Kế hoạch.

- Phòng Kỹ thuật.

+ 03Xí Nghiệp và 10
trạm cấp nước trực thuộc

- Phòng Kế toán.
- Xí nghiệp DVCN Thành phố Vinh.
- Xí nghiệp xây lắp chống thất thoát.
- Xí nghiệp sản xuất nước Thành phố Vinh (*bao gồm: Nhà máy nước Hưng Vĩnh; Nhà máy nước Cầu Bạch và Nhà máy nước Hưng Nguyên*).
- 10 trạm cấp nước trực thuộc (*gồm các trạm: Anh Sơn, Con Cuông, Đô Lương, Tân Kỳ, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Thanh Chương, Nam Đàn, Tương Dương, Kỳ Sơn*).

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**



Handwritten signature or initials

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2023.

4.1.1. Sản lượng và doanh thu:

- Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty: 29.318.353 m³.
- Doanh thu toàn Công ty: 311.153.930.000 đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu nước tiêu thụ: 302.653.930.000 đồng.
 - + Doanh thu xây lắp: 3.500.000.000 đồng
 - + Doanh thu khác: 5.000.000.000 đồng.

4.1.2. Các kế hoạch khác.

4.1.2.1. Lắp đặt tuyến đường ống cấp 1.

- Số lượng tuyến ống thi công: 12 tuyến
 - Tổng chiều dài các tuyến ống: 44.880 mét
 - Tổng chiều dài hoàn thành trong năm 2023: 28.000 mét
- Chi tiết các tuyến ống như sau:

4.1.2.1.1. Lắp đặt các tuyến đường ống mới.

- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường vào UBND xã Nghi Xá (đường Lê Quý Đôn). Cấp nước cho xã Nghi Xá và vùng lân cận
- Tuyến ống DN200/DN300 chạy dọc tỉnh lộ 535 và dọc đường Hòa Thái vào UBND xã Nghi Thái. Cấp nước cho xã Nghi Thái và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường liên xã Phong - Thạch và đường 24 mét. Cấp nước cho xã Nghi Phong và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN200 chạy dọc đường Phượng Hoàng. Cấp nước cho xã Hưng Lợi và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường tỉnh lộ 558. Cấp nước cho các xã Hưng Thông, Hưng Tân, Long Xá và vùng lân cận khu vực phía bắc đường Trần Đình San.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường Lê Hồng Sơn. Cấp nước cho các xã Xuân Hòa, Nam Anh, Nam Lĩnh và Nam Xuân.
- Tuyến ống DN500/DN300 chạy dọc đường 72m. Cấp nước cho các xã phụ cận thành phố Vinh.

4.1.2.1.2. Thay, bổ sung các tuyến đường ống cấp 1.

- Cải tạo thay thế đoạn tuyến ống cốt sợi thủy tinh DN400 bằng tuyến ống gang DN400 (đoạn qua trạm bơm tăng áp thị trấn Quán Hành).
- Lắp đặt bổ sung tuyến ống gang DN300 đường Hải Thượng Lãn Ông - Kết hợp khi thành phố nâng cấp đường
- Cải tạo, sửa chữa tuyến ống DN400 dọc đường Nguyễn Trường Tộ.
- Cải tạo tuyến ống DN300 chạy dọc đường Phong Đình Cảng
- Cải tạo tuyến ống DN400 chạy dọc đường Lê Hồng Phong

4.1.2.2. Sửa chữa hệ thống xử lý nước và nhiệm vụ khác.

4.1.2.2.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh.

- Nội dung công việc: Thay thế bằng đan lọc 2 tầng HDPE + tấm đỡ vật liệu IMS; cải tạo hệ thống châm hóa chất và bổ sung một số loại hóa chất mới.

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng nước sạch.

4.1.2.2.2. Nhà máy nước Cầu Bạch

- Nội dung công việc: Thay thế bằng hệ thống lắng tải trọng cao (*khung thép inox 304, tấm lắng composite*); cải tạo hệ thống châm hóa chất và bổ sung một số loại hóa chất mới.

- Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống xử lý để tăng sản lượng; nâng cao chất lượng nước sạch.

4.1.3.3. Xây dựng mới dây chuyền xử lý nước

- Nội dung công việc: Xây dựng mới dây chuyền xử lý nước, công suất 70.000 m³/ngày đêm.

- Mục tiêu: Để đảm bảo cấp nước an toàn theo quy định cho thành phố Vinh và vùng phụ cận Vinh. Trong trường hợp các nhà máy nước hiện có bị sự cố, thì vận hành nhà máy mới, đảm bảo thời gian cấp nước liên tục 24/24h (*tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tổng nhu cầu cấp nước đô thị thành phố Vinh là 330.000 m³/ngày đêm. Hiện tại, hệ thống cấp nước cho thành phố Vinh và vùng phụ cận gồm 3 nhà máy, công suất 94.000 m³/ngày đêm*).

- Địa điểm xây dựng: Nhà máy nước Hưng Nguyên hoặc địa điểm phù hợp khác.

4.1.3.4. Nhiệm vụ khác.

- Hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện khởi công thực hiện dự án: “Đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên”.

- Trên địa bàn Vinh và phụ cận, khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng để trả tiền nước đạt trên 80% tổng số khách hàng (*gồm dịch vụ thanh toán online, hoặc chuyển khoản, hoặc nộp tiền vào tài khoản tại các ngân hàng*)

- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về phương án giá nước sạch, để UBND tỉnh ban hành quyết định giá tiêu thụ nước sạch, trước ngày 01/7/2023.

- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về việc thuê đất mở rộng Nhà máy nước Hưng Nguyên, để UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất.

- Triển khai súc xả đường ống bằng quả nút, với số lượng thực hiện tối thiểu 100 tuyến ống.

- Lắp mới, thay đồng hồ 13.800 cái. Trong đó, lắp mới 3.000 cái và thay đồng hồ 10.800 cái.

- Bàn giao DMA cho người quản lý, với số lượng tối thiểu là 10 DMA.

- Sử dụng phần mềm để quản lý tài sản mạng đường ống trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận, tối thiểu đạt chỉ tiêu: cập nhật vào phần mềm 100% đồng

hồ nước của khách hàng, 90% tài sản khác, 50% các tuyến đường ống có kích thước từ DN 90 trở lên.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Thực hiện nâng cấp, cải tạo mạng đường ống cũ nát và cắt bớt triệt để nguồn cũ sau khi đã cải tạo để quản lý và chống thất thoát, thất thu trên mạng lưới tuyến ống;

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các nhà máy sản xuất nước để nâng cao chất lượng nước và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng sử dụng nước.

- Tăng cường công tác kiểm tra, chăm sóc khách hàng để kịp thời chuyển đổi mục đích sử dụng nước của khách hàng đúng với thực tế sử dụng. Tăng cường vận động khách hàng thanh toán tiền sử dụng nước không dùng tiền mặt.

- Tập trung xây dựng và đưa vào sử dụng các phần mềm để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác tuần tra, dò tìm và sửa chữa, khắc phục rò rỉ đường ống; Kiểm soát lưu lượng và áp lực nước đầu vào tại các đồng hồ tổng; Kịp thời thay thế các đồng hồ bị hư hỏng để giảm nước không doanh thu.

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, vận hành an toàn hệ thống mạng lưới để đảm bảo cấp nước liên tục, ổn định, đủ áp lực. Đồng thời giải quyết kịp thời các ý kiến của khách hàng liên quan đến đồng hồ nước, chất lượng dịch vụ, thu tiền sử dụng nước ... Tích cực tuyên truyền khách hàng ý thức hơn trong việc sử dụng nước sạch và tham gia vào các công trình phúc lợi xã hội của ngành nước;

- Lập kế hoạch chăm sóc khách hàng có nhu cầu sử dụng nước lớn để có giải pháp xử lý kịp thời khi khách hàng có yêu cầu; hỗ trợ đổi cỡ, gắn mới đồng hồ nước khi khách hàng có đề nghị thay đổi nhằm tăng sản lượng và doanh thu nước tiêu thụ.

- Phát triển mạng đường ống để mở rộng phạm vi cấp nước; cải tạo và thay thế các tuyến ống truyền dẫn để tăng áp lực và lưu lượng nước đảm bảo cấp nước ổn định cho khách hàng nhằm tăng sản lượng, doanh thu.

- Củng cố đội ngũ cán bộ quản lý tại các bộ phận; Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các phòng, Xí nghiệp để phù hợp với tình hình thực tế; Khoán quỹ lương cho các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả công tác, nâng cao năng suất lao động.

- Tập trung cải tạo và lắp đặt các tuyến ống mới để phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng sản lượng và doanh thu.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ khách hàng; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho phép, góp phần nâng cao sức khỏe cho người dân. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

5. Các rủi ro.

- Nguồn nước thô phục vụ sản xuất phụ thuộc nhiều vào yếu tố thiên nhiên, vào mùa mưa bão, nước thô đầu vào có độ đục rất cao nên phải tiêu tốn nhiều hóa chất để xử lý nước làm tăng chi phí sản xuất nước.

- Yếu tố dịch bệnh gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua.

- Hệ thống đường ống cấp nước của Công ty phần lớn đầu tư lâu năm nay nay đã xuống cấp hư hỏng nhiều là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thất thoát nước; việc đầu tư nâng cấp đòi hỏi chi phí lớn trong khi nguồn vốn của Công ty còn hạn hẹp.

- Nước thô mua vào với giá cao; giá nước sạch bán ra theo quy định không điều chỉnh được, trong khi đó giá các loại vật tư và dịch vụ thay đổi tăng theo giá thị trường làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận.

- Các đơn vị tham gia thi công các công trình hạ tầng ngầm thiếu điều tra khảo sát ban đầu đã gây hư hỏng mạng đường ống cấp nước, gây thất thoát nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	So sánh (2022/2021)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.942.387.493	271.943.547.042	103,68%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	8.019.047	16.608.961	48,28%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	281.934.368.446	271.926.938.081	103,68%
4. Giá vốn hàng bán	214.505.259.027	212.430.914.688	100,98%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.429.109.419	59.496.023.393	113,33%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.869.613.165	6.358.184.387	108,04%
7. Chi phí tài chính	10.424.718.351	12.969.722.299	80,38%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	10.095.739.514	11.834.896.228	85,30%
8. Chi phí bán hàng	19.212.534.290	17.539.659.664	109,54%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.882.446.594	33.392.001.523	119,44%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.779.023.349	1.952.824.294	244,72%
11. Thu nhập khác	2.475.287.372	2.803.715.815	88,29%
12. Chi phí khác	1.139.567.907	3.324.941.664	34,27%
13. Lợi nhuận khác	1.335.719.465	-521.225.849	356,26%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.114.742.814	1.431.598.445	427,13%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.279.795.212	286.498.360	446,70%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.834.947.602	1.145.100.085	422,23%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành.

2.1.1. Ông Nguyễn Bá Quý - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Nguyễn Bá Quý
Giới tính	Nam

Ngày tháng năm sinh	2/3/1960
Nơi sinh	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 3 - Thị trấn huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An
CMND	187253456 Ngày cấp 12/7/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Đại học kỹ thuật công nghiệp Việt Bắc (Cơ khí chế tạo máy)
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nông nghiệp Sông Con
Quá trình công tác	- Từ ngày 01/11/1982 đến 31/3/1993: Kỹ sư tại Xí nghiệp vận tải 500 xe - Công ty Thủy điện Hòa Bình. - Từ ngày 01/4/1993 đến 30/09/2001: Trưởng phòng Kỹ thuật tại Xí Nghiệp Đường Rượu Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/10/2001 đến 31/05/2004: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/06/2004 đến 30/09/2006: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con - Huyện Tân Kỳ - Tỉnh Nghệ An. - Từ ngày 01/10/2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm phó Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 30/12/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 28/5/2019 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nông nghiệp Sông Con.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. <i>Trong đó:</i>	0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	0 cổ phần

2.1.2. Ông Trịnh Văn Thắng - Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng Kỹ thuật

Họ và tên	Trịnh Văn Thắng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/01/1973
Nơi sinh	Xã Văn An, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Xóm 13, xã Hưng Lộc, Tp.Vinh, Nghệ An
CMND	182113020 Ngày cấp: 18/08/2015 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cấp thoát nước, trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội.
Chức vụ hiện nay	Trưởng phòng Kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ năm 1994 đến 2003: Công nhân tổ cơ khí, Công ty cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2003 đến 2010: Nhân viên phòng kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2011 đến 2013: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ năm 2013 đến ngày 28/2/2017: Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật, Công ty TNHH 1TV cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 01/3/2017 đến ngày 8/5/2021: Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An - Từ ngày 9/5/2021 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó.	14.234.836 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	7.000 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	14.227.836 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.3. Ông Lê Đình Hoan-Thành viên HĐQT, Trợ lý Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch.

Họ và tên	Lê Đình Hoan
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	4/8/1976
Nơi sinh	Hương Phố - Hương Khê - Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Phường Lê Mao - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	182069992 Ngày cấp: 11/11/2002 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng kế toán
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, Trợ lý Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng Kế hoạch Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày 01/7/1997 đến 30/09/2001: Nhân viên Kế hoạch, phòng Kế hoạch- Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 01/10/2001 đến 30/10/2006: Phó phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 01/11/2006 đến 28/02/2010: Phó chủ tịch HĐQT, phó Giám đốc Công ty cổ phần mía đường Sông Con. - Từ ngày 01/03/2010 đến 04/01/2017: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con. - Từ ngày 30/12/2016 đến 10/11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 11/11/2018 đến 22/11/2018: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT, trợ lý

	Tổng Giám đốc. - Từ ngày 23/11/2018 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con kiêm Thành viên HĐQT, trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó:	10.341.940 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	10.341.940 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con, sở hữu 10.341.940 cổ phần.

2.1.4. Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Hoàng Văn Hải
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	02/01/1961
Nơi sinh:	Bắc Sơn - Đô Lương - Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 10, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An
CMND	186527152 Ngày cấp: 26/02/2006 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế tạo máy - Đại học Bách Khoa Hà Nội
Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/1985 đến 8/1998: Cán bộ kỹ thuật, Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh. - Từ tháng 8/1998 đến 02/1999: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp xây lắp - Công ty Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 3/1999 đến 9/2001: Cán bộ kỹ thuật Phòng Kế hoạch kỹ thuật - Công ty Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 10/2001 đến 06/2004: Trạm trưởng nhà máy nước Con Cuông - Công ty Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 06/2004 đến 10/2004: Trạm trưởng trạm cấp nước Đô Lương - Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 11/2004 đến 7/2006: Phó giám đốc Xí nghiệp cấp nước miền núi kiêm trạm trưởng Đô Lương - Công ty Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 8/2006 đến 02/2012: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các thị trấn miền núi - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. - Từ tháng 3/2012 đến 30/12/2016: Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước các đô thị miền tây - Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An. - Từ ngày 30/12/2016 đến 24/01/2017: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.

	<p>- Từ ngày 24/01/2017 đến 8/5/2021: Bí thư đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 9/5/2021 đến nay: Bí thư đảng ủy, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.	5.800 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân	5.800 cổ phần
- Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.5. Ông Nguyễn Văn Hà - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên	Nguyễn Văn Hà
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	26/2/1978
Nơi sinh	Trảng Sơn - Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Lô 25 - Khu đô thị ST Vinh Tân - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
CMND	182167645 Ngày cấp:02/12/2011 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng/Kỹ sư xây dựng chuyên ngành Cấp thoát nước - Đại học Xây dựng
Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Quá trình công tác	<p>- Từ ngày 01/01/2003 đến 30/6/2006: Kỹ sư khảo sát thiết kế, giám sát kỹ thuật công trình cấp thoát nước và môi trường Chi nhánh công ty nước và môi trường Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng/Làm việc cho dự án World Bank tại Đà Nẵng.</p> <p>- Từ ngày 01/7/2006 đến 31/8/2013: Làm việc tại Ban quản lý dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước Tp.Vinh (giai đoạn 1) - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 01/09/2013 đến 31/03/2016: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án cải tạo mạng giám thất thoát nước Tp.Vinh (giai đoạn 1) - Công ty TNHH MTV cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 01/04/2016 đến 31/01/2017: Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật- Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 01/02/2017 đến 28/2/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 01/03/2017 đến 22/11/2018: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</p> <p>- Từ ngày 23/11/2018 đến 22/4/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng TCHC - Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.</p>

	- Từ ngày 23/4/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Trong đó.	5.900 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	5.900 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.1.6. Bà Trần Thị Lan Anh - Kế toán trưởng Công ty

Họ và tên	Trần Thị Lan Anh
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	15/11/1986
Nơi sinh	Xã Đà Sơn, Huyện Đô Lương, Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khối 7, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Nghệ An
CMND	186381454 ngày cấp: 14/01/2004 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Đại học (Cử nhân kinh tế)
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Công ty
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường Sông Con Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Sông Con
Quá trình công tác	- Từ năm 2009 đến ngày 29/12/2016: nhân viên kế toán tại Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - Từ ngày 30/12/2016 đến 05/3/2019: Kế toán tại Công ty cổ phần Mía đường sông Con, thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An - Từ ngày 06/3/2019 đến 22/4/2019: Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con. - Từ ngày 8/8/2019 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần nông nghiệp Sông Con. - Từ ngày 23/4/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An, Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Mía đường sông Con.
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ Trong đó:	0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân	0 cổ phần
- Được ủy quyền đại diện	0 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan	Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

2.3.1. Tổng số cán bộ, nhân viên (tính đến ngày 31/12/2022): 484 người.

2.3.2. Chính sách cho người lao động trong năm 2022:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động (gồm tiền lương, thưởng, BHXH, BHYT, BHTN ...); đồng hành cùng công đoàn ngành xây dựng tỉnh Nghệ An tổ chức chương trình “tết sum vầy” cho người lao động; hỗ trợ cho các đoàn viên công đoàn bị bệnh hiểm nghèo và có hoàn cảnh khó khăn.

- Trang bị bảo hộ lao động như áo, quần, mũ, ủng .v.v. theo đúng quy định cho người lao động.

- Việc trả lương cho người lao động thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước và quy chế trả lương, thưởng cho người lao động được quy định tại Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty hàng năm. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2022 là 11.720.000 đồng/người/tháng.

- Ngoài thu nhập nêu trên, trong năm 2022, Công ty đã hỗ trợ thêm cho người lao động các khoản dưới đây:

+ Thưởng danh hiệu lao động chuyên môn tay nghề cao cho người lao động có trình độ tay nghề, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả làm việc tốt trong năm.

+ Hỗ trợ suất ăn ở XN sản xuất nước, XN xây lắp, tổ tiếp nhận thông tin, tổ xe máy, trung tâm thí nghiệm nước và tổ bảo vệ.

+ Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng tại Đà Nẵng cho tất cả người lao động trong Công ty, từ ngày 13/05/2022 đến ngày 18/05/2022.

+ Tặng quà cho người lao động ở các ngày lễ trong năm.

+ Tổ chức thăm hỏi người lao động khi ốm đau, có người thân mất; tặng quà mừng cưới cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2022, Công ty đã đầu tư thi công các công trình lớn, cụ thể như sau:

- Sửa chữa, cải tạo hệ thống xử lý nước ở NMN Cầu Bạch

- Thi công tuyến đường ống DN500, dọc đường Trần Hưng Đạo, bắt đầu tại ngã tư đường Trần Hưng Đạo và đường Đặng Thái Thân

- Thi công tuyến ống DN700, dọc đường Nguyễn Sinh Sắc, bắt đầu từ nhà máy nước Hưng Vĩnh.

- Thi công tuyến ống DN500, dọc đường Nguyễn Sỹ Sách, bắt đầu tại ngã tư Nguyễn Văn Cừ và đường Nguyễn Sỹ Sách.

- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở làm việc Nhà máy nước Hưng Vĩnh.

- Đầu tư, xây dựng công trình nhà xưởng tại lô đất Cầu Mượu và Hưng Hòa.

- Sửa chữa và mở rộng Trạm cấp nước Anh Sơn, công suất lên 2.000m³/ngày đêm.

- Sửa chữa và mở rộng Trạm cấp nước Quỳnh Châu, công suất 2.000 m³/ngày đêm.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tỷ lệ 2022 so với 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	863.802.301.036	848.178.980.108	101,84%
Doanh thu thuần	281.934.368.446	271.926.938.081	103,68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.779.023.349	1.952.824.294	244,72%
Lợi nhuận khác	1.335.719.465	-521.225.849	356,26%
Lợi nhuận trước thuế	6.114.742.814	1.431.598.445	427,13%
Lợi nhuận sau thuế	4.834.947.602	1.145.100.085	422,23%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	31	229,03%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,94	1,18	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,70	0,99	
2. Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,56	
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,29	1,29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,77	3,73	
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,33	0,33	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,71%	0,42%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,27%	0,30%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,56%	0,14%	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,70%	0,72%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần lưu hành: 37.385.983 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/CP).

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Số lượng cổ đông (chốt đến ngày 31/3/2023)	691	37.385.983	100%
Trong đó			
Cổ đông cá nhân	688	12.786.207	34,2%
Cổ đông tổ chức	3	24.599.776	65,8%
Công ty CP mía đường sông con	1	10.341.940	27,66%

Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Tổ chức Công đoàn tại Công ty	1	30.000	0,08%
Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	1	14.227.836	38,06%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, cơ bản hoàn thành kế hoạch, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, vị trí Công ty được nâng cao. Người lao động làm việc có trách nhiệm, hăng say làm việc, chấp hành tốt nội quy quy chế; thu nhập đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cuộc sống; các chế độ phúc lợi được quan tâm đầy đủ; luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Công ty đang gặp khó khăn về nguồn nước thô đầu vào ở khu vực Vinh và vùng phụ cận, hệ thống xử lý nước chưa có dự phòng khi có sự cố; hệ thống mạng đường ống cấp 1 cũ chưa được thay thế và mở rộng đến các địa bàn chưa có nước sạch; thiếu một số lao động có trình độ chuyên môn cao về cấp thoát nước, hóa phân tích.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

ĐVT: VNĐ

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% (2022/2021)
1	Tài sản ngắn hạn	285.822.560.190	313.646.233.255	91,13%
2	Tài sản dài hạn	577.979.740.846	534.532.746.853	108,13%
	Tổng tài sản	863.802.301.036	848.178.980.108	103,67%

b) Các khoản phải trả

ĐVT: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2022
1	Nợ ngắn hạn	304.568.353.651
2	Nợ dài hạn	179.345.706.355
	Tổng nợ	483.914.060.006

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã cơ bản hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty. Sắp xếp luân chuyển cán bộ quản lý, người lao động giữa các bộ phận để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

- Xây dựng phương án trả lương và khoán quỹ lương cho các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả làm việc và nâng cao năng suất lao động.

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với thực tế để đạt hiệu quả hơn trong công tác quản lý.

- Xây dựng và áp dụng các phần mềm để thuận tiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc ghi chỉ số và thu tiền sử dụng nước của khách hàng bằng thiết bị di động và liên kết với các ngân hàng, ví điện tử để khách hàng thuận tiện trong công tác thanh toán tiền sử dụng nước.

4. Kế hoạch thực hiện trong năm 2023

4.1. Sản lượng và doanh thu:

- Sản lượng nước tiêu thụ toàn Công ty: 29.318.353 m³.
- Doanh thu toàn Công ty: 311.153.930.000 đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu nước tiêu thụ: 302.653.930.000 đồng.
 - + Doanh thu xây lắp: 3.500.000.000 đồng
 - + Doanh thu khác: 5.000.000.000 đồng.

4.2. Các kế hoạch khác.

4.2.1. Lắp đặt tuyến đường ống cấp 1.

- Số lượng tuyến ống thi công: 12 tuyến
- Tổng chiều dài các tuyến ống: 44.880 mét
- Tổng chiều dài hoàn thành trong năm 2023: 28.000 mét
- Chi tiết các tuyến ống như sau:

4.2.1.1. Lắp đặt các tuyến đường ống mới.

- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường vào UBND xã Nghi Xá (đường Lê Quý Đôn). Cấp nước cho xã Nghi Xá và vùng lân cận
- Tuyến ống DN200/DN300 chạy dọc tỉnh lộ 535 và dọc đường Hòa Thái vào UBND xã Nghi Thái. Cấp nước cho xã Nghi Thái và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường liên xã Phong - Thạch và đường 24 mét. Cấp nước cho xã Nghi Phong và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN200 chạy dọc đường Phụng Hoàng. Cấp nước cho xã Hưng Lợi và vùng lân cận.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường tỉnh lộ 558. Cấp nước cho các xã Hưng Thông, Hưng Tân, Long Xá và vùng lân cận khu vực phía bắc đường Trần Đình San.
- Tuyến ống DN300 chạy dọc đường Lê Hồng Sơn. Cấp nước cho các xã Xuân Hòa, Nam Anh, Nam Lĩnh và Nam Xuân.
- Tuyến ống DN500/DN300 chạy dọc đường 72m. Cấp nước cho các xã phụ cận thành phố Vinh.

4.2.1.2. Thay, bổ sung các tuyến đường ống cấp 1.

- Cải tạo thay thế đoạn tuyến ống cốt sợi thủy tinh DN400 bằng tuyến ống gang DN400 (đoạn qua trạm bơm tăng áp thị trấn Quán Hành).
- Lắp đặt bổ sung tuyến ống gang DN300 đường Hải Thượng Lãn Ông - Kết hợp khi thành phố nâng cấp đường

- Cải tạo, sửa chữa tuyến ống DN400 dọc đường Nguyễn Trường Tộ.
- Cải tạo tuyến ống DN300 chạy dọc đường Phong Đình Cảng
- Cải tạo tuyến ống DN400 chạy dọc đường Lê Hồng Phong

4.2.2. Sửa chữa hệ thống xử lý nước và nhiệm vụ khác.

4.2.2.1. Nhà máy nước Hưng Vĩnh.

- Nội dung công việc: Thay thế bằng đan lọc 2 tầng HDPE + tấm đỡ vật liệu IMS; cải tạo hệ thống châm hóa chất và bổ sung một số loại hóa chất mới.
- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng nước sạch.

4.2.2.2. Nhà máy nước Cầu Bạch

- Nội dung công việc: Thay thế bằng hệ thống lắng tải trọng cao (*khung thép inox 304, tấm lắng composite*); cải tạo hệ thống châm hóa chất và bổ sung một số loại hóa chất mới.
- Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống xử lý để tăng sản lượng; nâng cao chất lượng nước sạch.

4.2.2.3. Xây dựng mới dây chuyền xử lý nước

- Nội dung công việc: Xây dựng mới dây chuyền xử lý nước, công suất 70.000 m³/ngày đêm.

- Mục tiêu: Để đảm bảo cấp nước an toàn theo quy định cho thành phố Vinh và vùng phụ cận Vinh. Trong trường hợp các nhà máy nước hiện có bị sự cố, thì vận hành nhà máy mới, đảm bảo thời gian cấp nước liên tục 24/24h (*tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tổng nhu cầu cấp nước đô thị thành phố Vinh là 330.000 m³/ngày đêm. Hiện tại, hệ thống cấp nước cho thành phố Vinh và vùng phụ cận gồm 3 nhà máy, công suất 94.000 m³/ngày đêm*).

- Địa điểm xây dựng: Nhà máy nước Hưng Nguyên hoặc địa điểm phù hợp khác.

4.2.2.4. Nhiệm vụ khác.

- Hoàn thành thủ tục, đủ điều kiện khởi công thực hiện dự án: “Đổi mới công nghệ, xây dựng hệ thống cung cấp nước thô từ sông Lam cho Trạm cấp nước Hưng Nguyên và Nhà máy nước sạch các xã trên địa bàn huyện Hưng Nguyên”.

- Trên địa bàn Vinh và phụ cận, khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán qua ngân hàng để trả tiền nước đạt trên 80% tổng số khách hàng (*gồm dịch vụ thanh toán online, hoặc chuyển khoản, hoặc nộp tiền vào tài khoản tại các ngân hàng*)

- Từ ngày 01/4/2023 trở đi, 100% mẫu chất lượng nước sạch sau bơm cấp 2, tại các nhà máy trên địa bàn Vinh và vùng phụ cận, đảm bảo đạt các chỉ tiêu:

+ Màu	0	Pt/Co
+ Mùi	Không	
+ Độ đục	≤ 0,2	NTU
+ pH	từ 6,5 - 8,5	
+ Clo dư	từ 0,7 - 0,9	mg/L
+ Mn (mangan)	≤ 0,006	mg/L
+ COD (pecmanganat)	≤ 1,0	mg/L

- + NH₄-N (amoni) $\leq 0,1$ mg/L
- + Các chỉ tiêu khác đạt quy chuẩn hiện hành của Bộ Y tế
- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về phương án giá nước sạch, để UBND tỉnh ban hành quyết định giá tiêu thụ nước sạch, trước ngày 01/7/2023.
- Hoàn thành hồ sơ và làm việc với các cơ quan về việc thuê đất mở rộng Nhà máy nước Hưng Nguyên, để UBND tỉnh ban hành quyết định cho thuê đất.
- Triển khai súc xả đường ống bằng quả nút, với số lượng thực hiện tối thiểu 100 tuyến ống.
- Lắp mới, thay đồng hồ 13.800 cái. Trong đó, lắp mới 3.000 cái và thay đồng hồ 10.800 cái.
- Bàn giao DMA cho người quản lý, với số lượng tối thiểu là 10 DMA.
- Sử dụng phần mềm để quản lý tài sản mạng đường ống trên địa bàn thành phố Vinh và vùng phụ cận, tối thiểu đạt chỉ tiêu: cập nhật vào phần mềm 100% đồng hồ nước của khách hàng, 90% tài sản khác, 50% các tuyến đường ống có kích thước từ DN 90 trở lên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về bộ máy điều hành, quản lý công ty.

Bộ máy điều hành, quản lý Công ty thuộc thẩm quyền HĐQT ra quyết định gồm 20 người, Trong đó: Ban Tổng giám đốc 03 người; Trưởng phòng và trưởng các đơn vị 16 người (*Phòng Kế hoạch do Trợ lý Tổng giám đốc kiêm nhiệm*). Trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, cơ bản đã bám vào nội dung của Luật doanh nghiệp; Điều lệ; Quy chế công ty và nghị quyết của HĐQT để thực hiện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

2.1. Đánh giá các công việc đã thực hiện.

- Các cuộc họp giao ban định kỳ được tổ chức đều, nội dung các cuộc họp được chuẩn bị trước chu đáo, đã có cải tiến nội dung các cuộc họp giao ban theo hướng cụ thể hơn, gắn được trách nhiệm của người quản lý với công việc được giao.
- Đã sắp xếp lại lực lượng lao động của công ty trên cơ sở kế hoạch lao động-tiền lương và BHXH năm 2022 đã được HĐQT phê duyệt.
- Đã triển khai, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022, phấn đấu để hoàn thành các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.
- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.
- Đã xử lý các khiếu nại của khách hàng, các tình huống phát sinh về chất lượng nước sản xuất v.v..
- Đã triển khai đầu tư sửa chữa, cải tạo các nhà máy nước để nâng cao chất lượng nước sạch và chất lượng dịch vụ đến với khách hàng một cách tốt nhất.
- Đã xây dựng và trình HĐQT phê duyệt và đưa vào áp dụng Kế hoạch SXKD năm 2023 của Công ty.

Ngoài ra Ban tổng giám đốc đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung công việc khác thuộc thẩm quyền được HĐQT giao.

2.2. Đánh giá ưu điểm và tồn tại.

2.2.1. Ưu điểm:

- Trong quá trình quản lý, điều hành cơ bản đã bám vào các nội dung được quy định trong điều lệ và quy chế Công ty; nội dung các vấn đề đã được HĐQT và các cuộc giao ban điều hành thông qua, đã có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác điều hành theo hướng sâu sát, cụ thể hơn; giải quyết các nội dung công việc nhanh hơn, hiệu quả hơn so với trước.

- Ban hành và đưa vào áp dụng các chế tài trong quản lý có hiệu quả.
- Bám sát nhiệm vụ được giao, có nhiều cố gắng trong thực hiện nhiệm vụ.
- Gương mẫu trong việc thực hiện Điều lệ và Quy chế của Công ty, tổ chức giao ban thường kỳ đều đặn và chất lượng tương đối tốt.
- Công tác chỉ đạo điều hành cụ thể hơn, sâu sát hơn so với trước đây.
- Tạo điều kiện tốt cho hoạt động của các tổ chức chính trị của Công ty.

2.2.2. Tồn tại.

- Một số công việc chưa gắn được trách nhiệm của người được giao nhiệm vụ với việc thực hiện công việc được giao.
- Công tác tham mưu của một số phòng, đơn vị chưa kịp thời; Việc giải quyết một số công việc thuộc phạm trù chức năng còn chậm, chưa dứt điểm, sự phối kết hợp giữa các bộ phận trong giải quyết công việc chưa cao.

- Việc giải quyết các yêu cầu của người dân trong việc khắc phục các sự cố còn có tình trạng chưa kịp thời, để người dân kêu ca phàn nàn.

- Việc quản lý chống thất thoát trong quản lý về tổn thất nước, vật tư, sản phẩm chưa triệt để.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023, HĐQT sẽ tập trung vào những kế hoạch và định hướng như sau:

- Chuẩn bị chu đáo và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 nghiêm túc, đảm bảo chất lượng.

- Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Tổ chức thực hiện các cuộc họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất của HĐQT đảm bảo chất lượng và kịp thời để quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua của Ban Tổng giám đốc.

- Giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

ST T	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	-	-	0 cổ phần	

ST T	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ
2	Ông Trịnh Văn Thắng	Phó Chủ tịch	7.000	0,0187%	14.227.836 cổ phần (Sở hữu đại diện phần vốn UBND tỉnh Nghệ An tại Công ty)	38,05%
3	Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	-	-	10.341.940 cổ phần (Ông Lê Đình Hoan là Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sông Con)	

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ sáu, năm 2022. Sau cuộc họp, HĐQT đã triển khai thực hiện:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp lần thứ sáu năm 2022.

- Hàng tháng HĐQT tổ chức họp thường kỳ để nghe và phê duyệt nội dung Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD trong tháng qua và thông qua KHSX kinh doanh trong tháng tới; khi có yêu cầu về công việc thuộc thẩm quyền quyết định, HĐQT họp đột xuất để giải quyết kịp thời. Trong năm HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và 09 cuộc họp đột xuất. Các cuộc họp được triệu tập đúng với quy định của điều lệ; có sự tham gia dự họp của Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

+ Các thành viên HĐQT và Trưởng BKS tham dự các cuộc họp HĐQT đầy đủ, tham gia nhiều ý kiến chất lượng.

+ Trong năm 2022 HĐQT đã phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các nội dung chính sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	16/3/2022	Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông phục vụ ĐHCĐ thường niên 2022	100%
2	01/NQ-HĐQT	19/5/2022	Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông phục vụ ĐHCĐ bất thường 2022	100%
3	03/NQ-HĐQT	26/5/2022	Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông phục vụ ĐHCĐ bất thường 2022	100%
4	04/NQ-HĐQT	23/8/2022	Nghị quyết v/v chốt danh sách cổ đông phục vụ ĐHCĐ bất thường lần 2 năm 2022	100%
5	01/QĐ-HĐQT	13/01/2022	Quyết định phê duyệt nội dung phương án chi tiền lương tháng 13 năm 2021 và quà tết nguyên đán năm 2022	100%
6	02/QĐ-HĐQT	19/01/2022	Quyết định v/v phê duyệt hỗ trợ thêm tiền	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			lương tháng 13 năm 2021 cho các chức danh quản lý của công ty	
7	03/QĐ-HĐQT	02/3/2022	Quyết định phê duyệt nội dung KHSXKD năm 2022	100%
8	04/QĐ-HĐQT	12/3/2022	Quyết định v/v phê duyệt đề xuất phương án sửa chữa, cải tạo nâng cấp NMN Anh Sơn lên công suất 2.000 m ³ /ngày đêm	100%
9	05/QĐ-HĐQT	12/3/2022	Quyết định v/v khen thưởng lao động có chuyên môn tay nghề cao năm tài chính 2021	100%
10	06/QĐ-HĐQT	12/3/2022	Quyết định v/v phê duyệt đề xuất mua xe tải cầu phục vụ thi công	100%
11	07/QĐ-HĐQT	12/3/2022	Quyết định v/v phê duyệt đề xuất phương án sửa chữa, cải tạo nâng cấp NMN Quý Châu lên công suất 2.000 m ³ /ngày đêm	100%
12	08/QĐ-HĐQT	02/4/2022	Quyết định v/v phê duyệt chủ trương cải tạo, thay thế tuyến ống DN700 nằm phía bắc QL46, đoạn từ Km15+268 đến Km15+841 phải tuyến (từ bệnh viện Thái An đến Nhà máy nước Hưng Vĩnh)	100%
13	09/QĐ-HĐQT	17/4/2022	Quyết định về việc thực hiện mua xe tải cầu	100%
14	10/QĐ-HĐQT	27/4/2022	Quyết định v/v phê duyệt chương trình tham quan nghỉ dưỡng cho người lao động năm 2022	100%
15	11/QĐ-HĐQT	27/4/2022	Quyết định phê duyệt đề xuất sửa chữa, cải tạo nhà làm việc đa năng tại Nhà máy nước Hưng Vĩnh	100%
16	12/QĐ-HĐQT	06/5/2022	Quyết định về việc sửa chữa, cải tạo nhà làm việc đa năng tại Nhà máy nước Hưng Vĩnh	100%
17	13/QĐ-HĐQT	06/5/2022	Quyết định v/v phê duyệt đề xuất mua ống gang dẻo và phụ kiện	100%
18	14/QĐ-HĐQT	09/5/2022	Quyết định về việc mua ống gang dẻo và phụ kiện	100%
19	15/QĐ-HĐQT	07/6/2022	Quyết định v/v phê duyệt phương án điều chỉnh giá nước sạch	100%
20	16/QĐ-HĐQT	23/8/2022	Quyết định về việc sửa chữa, cải tạo khuôn viên, vỉa hè NMN Hưng Vĩnh và khuôn viên trạm Hưng Hòa	100%
21	17/QĐ - HĐQT	31/8/2022	Quyết định về việc thực hiện sửa chữa, cải tạo khuôn viên, vỉa hè NMN Hưng Vĩnh và khuôn viên trạm Hưng Hòa	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	18/QĐ - HĐQT	13/10/2022	Quyết định về việc cử Người phụ trách quản trị công ty	100%
23	19/QĐ - HĐQT	13/10/2022	Quyết định về việc ban hành Quy chế công bố thông tin	100%
24	20/QĐ - HĐQT	05/11/2022	Quyết định về việc phê duyệt chủ trương cải tạo, sửa chữa Nhà máy nước Cầu Bạch	100%
25	21/QĐ - HĐQT	05/11/2022	Quyết định về việc thực hiện cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện hệ thống lắng tại Nhà máy nước Cầu Bạch	100%
26	22/QĐ - HĐQT	17/11/2022	Quyết định về việc thống nhất chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Công ty 25/12/1957 - 25/12/2022	100%
27	23/QĐ - HĐQT	07/12/2022	Quyết định về việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty sửa đổi lần thứ ba	100%
28	24/QĐ - HĐQT	24/12/2022	Quyết định về việc thực hiện mua ống gang đèo phục vụ thi công các công trình	100%

Ngoài ra HĐQT còn quyết định các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần trực tiếp sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số lượng	Tỷ lệ % vốn điều lệ	
1	Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	41.700	0,11	-	-	
2	Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	-	-	-	-	
3	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	-	-	-	-	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An và thực hiện kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2022. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của công ty trong năm 2022 theo các nội dung chủ yếu sau:

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Tình hình thực hiện tuân thủ điều lệ Công ty, luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý hợp pháp, tính trung thực và mức độ cận trọng trong việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý.
- Tham gia tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, họp giao ban của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

CHỨC DANH	LƯƠNG CHUYÊN TRÁCH (đồng/tháng/người)	THÙ LAO KIÊM NHIỆM (đồng/tháng/người)
Chủ tịch HĐQT	10.000.000	
Phó Chủ tịch HĐQT		5.000.000
Thành viên HĐQT		2.500.000
Trưởng Ban kiểm soát	19.100.000	
Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Có chi tiết kèm theo. 

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban TGD công ty;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Hoàng Văn Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 06 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ, trong đó lần thứ 06 vào ngày 7 tháng 9 năm 2018 do thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 02383.739.739

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Ngày 29 tháng 4 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 9 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

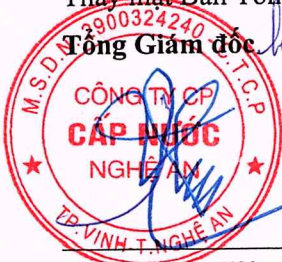
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0172/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Ngày 17/10/2022, chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty (kiểm toán năm đầu tiên). Chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2021 và cũng không thực hiện được các thủ tục bổ sung, thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2021. Do số dư hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Do hạn chế từ đơn vị, chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 và cũng không thực hiện được các thủ tục bổ sung, thay thế khác để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày này. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về các khoản mục đã nêu, cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả Nhà cung cấp nước thô trên khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”, số tiền 99.239.825.685 VND (*Thuyết minh V.16 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính*) và khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 85.718.896.298 VND (*Thuyết minh V.18 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính*). Giữa Công ty và Nhà cung cấp nước thô đang xảy ra tranh chấp liên quan đến việc áp dụng đơn giá nước và vụ việc đang được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý. Chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra ý kiến về các số dư phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, số tiền 31.590.000.000 VND.

Công ty đang ghi nhận khoản “Người mua trả tiền trước” của Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng huyện Hưng Nguyên, số tiền 7.535.000.000 VND, là khoản ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Đến ngày 30/11/2021, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Căn cứ điều khoản hợp đồng, công việc đã bị trễ tiến độ hơn 24 tháng, tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn giữa các bên. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá liệu Công ty có phải chịu khoản phạt do chậm tiến độ hợp đồng hay không.

Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 31/12/2022 đang bao gồm giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5.690.000.000 VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi các khoản phải thu này.

Một số sai sót kế toán chưa được Công ty điều chỉnh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, bao gồm: (i) Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu lâu ngày, số dự phòng cần trích lập bổ sung theo ước tính của kiểm toán viên là 1.872.794.370 VND; (ii) Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến ống DN300 lên DN1000 khu đô thị VSIP, Hưng Nguyên, nguyên giá 20.105.876.354 VND hình thành từ năm 2021, đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định nhưng Công ty đã ghi nhận vào “Chi phí trả trước dài hạn” năm 2021 và đến 31/12/2022 mới điều chỉnh sang “Tài sản cố định hữu hình”, và xác định lại (kéo dài) thời gian phân bổ/khấu hao đối với tài sản này. Chi phí phân bổ/khấu hao năm 2021 giảm do xác định lại thời gian phân bổ/khấu hao đang được Công ty ghi nhận giảm toàn bộ vào chi phí năm nay, số tiền 3.696.872.923 VND, thay vì phải điều chỉnh hồi tố và xác định lại kết quả kinh doanh năm trước/năm nay.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 27 tháng 3 năm 2022 có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc ghi nhận khoản chi phí nước thô còn phải trả tính đến 31/01/2021 với số tiền 99.239.825.685 VND trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		285.822.560.190	313.646.233.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.137.934.352	62.538.512.710
1. Tiền	111		51.407.292.033	21.475.602.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.730.642.319	41.062.910.128
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.899.339.288	130.715.667.416
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	109.899.339.288	130.715.667.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.275.352.160	66.495.841.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.132.936.825	17.624.477.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.655.305.368	37.810.285.729
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.052.849.783	27.626.818.594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.565.739.816)	(16.565.739.816)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		71.832.511.948	49.410.100.784
1. Hàng tồn kho	141	V.7	71.832.511.948	49.410.100.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.677.422.442	4.486.110.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.677.422.442	4.484.110.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	2.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

6
11/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		577.979.740.846	534.532.746.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		526.544.513.586	453.905.068.615
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	526.432.040.758	453.768.085.151
<i>Nguyên giá</i>	222		1.213.706.938.088	1.081.464.145.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(687.274.897.330)	(627.696.060.151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	112.472.828	136.983.464
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(406.327.172)	(381.816.536)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	19.733.393.505	34.873.530.716
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.733.393.505	34.873.530.716
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.790.916.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.790.916.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.410.917.755	45.254.147.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	17.410.917.755	45.254.147.522
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		863.802.301.036	848.178.980.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		483.914.060.006	472.610.391.642
I. Nợ ngắn hạn	310		304.568.353.651	266.610.488.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	57.291.896.271	41.019.410.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.596.528.577	10.098.258.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	567.992.131	444.276.984
4. Phải trả người lao động	314		14.891.282.400	13.941.657.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.672.369.074	2.669.003.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	104.996.811.405	104.916.905.652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	26.666.035.235	38.740.832.321
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	85.718.896.298	54.128.896.298
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.166.542.261	651.247.223
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		179.345.706.355	205.999.903.428
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	179.345.706.355	205.999.903.428
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

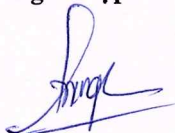
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		379.888.241.029	375.568.588.465
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	379.888.241.029	375.568.588.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.193.463.427	387.191.996
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.834.947.602	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.834.947.602	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		863.802.301.036	848.178.980.108

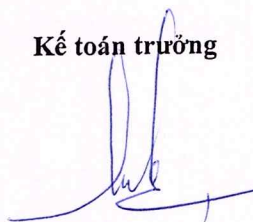
Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	281.942.387.493	271.943.547.042
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.019.047	16.608.961
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		281.934.368.446	271.926.938.081
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	214.505.259.027	212.430.914.688
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.429.109.419	59.496.023.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.869.613.165	6.358.184.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.424.718.351	12.969.722.299
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.095.739.514	11.834.896.228
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.212.534.290	17.539.659.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.882.446.594	33.392.001.523
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.779.023.349	1.952.824.294
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.475.287.372	2.803.715.815
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.139.567.907	3.324.941.664
13. Lợi nhuận khác	40		1.335.719.465	(521.225.849)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.114.742.814	1.431.598.445
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.279.795.212	286.498.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.834.947.602</u>	<u>1.145.100.085</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>71</u>	<u>17</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>71</u>	<u>17</u>

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		322.052.399.104	310.949.801.433
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.194.632.422)	(143.492.934.806)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(62.759.771.646)	(52.384.965.005)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(10.978.405.172)	(12.077.732.957)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(1.070.539.711)	(405.136.878)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.791.748.155	843.404.955
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(47.346.631.103)	(16.850.735.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.494.167.205	86.581.701.063
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(99.591.283.172)	(48.128.696.629)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(41.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.816.328.128	10.558.147.038
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.950.011.192	1.370.024.417
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(71.824.943.852)	(77.800.525.174)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	12.155.564.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(39.069.801.711)	(26.621.559.638)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(39.069.801.711)</i></u>	<u><i>(14.465.994.873)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.599.421.642	(5.684.818.984)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.538.512.710	68.223.331.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>67.137.934.352</u>	<u>62.538.512.710</u>

Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 462 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch nợ phải trả bằng ngoại tệ được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có số dư vay gốc ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 39
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6
Tài sản cố định khác	13

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

hul

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.531.604.111	1.472.777.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.875.687.922	20.002.825.464
Các khoản tương đương tiền	15.730.642.319	41.062.910.128
Cộng	<u>67.137.934.352</u>	<u>62.538.512.710</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 3,7% đến 5%, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 26/8/2021, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 21/QĐ-HĐQT về việc mua cổ phần đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần tham gia đấu giá 793.917 cổ phần. Theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2021 về việc chấp thuận kết quả mua cổ phiếu đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 345.181 cổ phần, giá mua 36.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị trúng đấu giá 12.426.516.000 VND.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (Tại ngày 01/01/2022, Công ty theo dõi khoản đầu tư này tại khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" (xem Thuyết minh V.5a)).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc năm tài chính, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của CNA để xem xét trích lập dự phòng. Theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất, tại ngày 31/12/2021, CNA có lỗ lũy kế 2.819.036.405 VND. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng theo Báo cáo tài chính này.

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lư, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân xã Thanh Tường	1.309.272.998	1.309.272.998
Công trình Hồ Bá Hạp	2.197.138.000	2.197.138.000
BQL dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	1.004.529.000
BQL dự án Đầu tư xây dựng cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
Ủy ban nhân dân xã Nghi Kim- Nghi Lộc	1.554.035.000	1.554.035.000
Các khách hàng khác	8.998.320.827	8.489.861.234
Cộng	18.132.936.825	17.624.477.232

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	6.714.294.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thanh Hóa	-	1.081.670.000
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ CDT	-	2.949.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dũng Thủy	-	2.039.670.000
Công ty TNHH TK Cộng	1.591.428.000	15.832.597.000
Các nhà cung cấp khác	6.189.690.668	9.193.054.029
Cộng	10.655.305.368	37.810.285.729

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.901.800.931	-	2.024.033.892	-
Tạm ứng	6.892.927.062	(616.038.012)	7.012.172.601	(616.038.012)
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Tổng Công ty chè Nghệ An ⁽ⁱ⁾	-	-	12.426.516.000	-
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 297/QĐ-UBND ⁽ⁱⁱ⁾	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.567.511.790	(317.132.368)	473.486.101	(317.132.368)
Cộng	16.052.849.783	(933.170.480)	27.626.818.594	(933.170.480)

⁽ⁱ⁾ Xem thuyết minh V.2b.

⁽ⁱⁱ⁾ Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Hiện tại, Công ty đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã trích lập 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	14.456.570.172	(14.456.570.172)	14.456.570.172	(14.456.570.172)
UBND xã Thanh Trường	1.309.272.998	(1.309.272.998)	1.309.272.998	(1.309.272.998)
Công trình Hồ Bá Hạ	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phục, Con Cuông	704.000.000	(704.000.000)	704.000.000	(704.000.000)
Ban quản lý dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	(1.004.529.000)	1.004.529.000	(1.004.529.000)
Ban quản lý dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
UBND Thị trấn Quán Hành	768.819.000	(768.819.000)	768.819.000	(768.819.000)
UBND xã Nghi Kim - Nghi Lộc	1.554.035.000	(1.554.035.000)	1.554.035.000	(1.554.035.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	3.849.135.174	(3.849.135.174)	3.849.135.174	(3.849.135.174)
Các khoản phải thu khác	933.170.480	(933.170.480)	933.170.480	(933.170.480)
Hồ Thị Liên	302.237.000	(302.237.000)	302.237.000	(302.237.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	630.933.480	(630.933.480)	630.933.480	(630.933.480)
Trả trước cho người bán	1.175.999.164	(1.175.999.164)	1.175.999.164	(1.175.999.164)
Công ty Cổ phần xây dựng & Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	214.239.329	(214.239.329)	214.239.329	(214.239.329)
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	340.391.835	(340.391.835)	340.391.835	(340.391.835)
Cộng	16.565.739.816	(16.565.739.816)	16.565.739.816	(16.565.739.816)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.565.739.816	14.569.555.064
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.996.184.752
Số cuối năm	16.565.739.816	16.565.739.816

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.107.864.655	-	44.202.828.534	-
Công cụ, dụng cụ	7.134.074.790	-	5.181.057.020	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.590.572.503	-	26.215.230	-
Dự án Đầu tư và XD huyện Hưng Nguyên (xem Thuyết minh V.13)	4.564.357.273	-	-	-
Dự án khác	26.215.230	-	26.215.230	-
Cộng	71.832.511.948	-	49.410.100.784	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.027.620.346	3.359.778.078
Chi phí sửa chữa TSCĐ	11.533.297.409	40.343.648.206
Chi phí quản lý dự án của dự án giảm thất thoát	-	1.474.471.232
Các chi phí trả trước dài hạn khác	850.000.000	76.250.006
Cộng	<u>17.410.917.755</u>	<u>45.254.147.522</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	506.374.334.220	109.699.624.657	460.577.542.341	572.975.000	4.239.669.084	1.081.464.145.302
Mua trong năm	-	208.190.000	5.967.177.778	-	-	6.175.367.778
Đầu tư XDCB hoàn thành	90.616.231.559	470.992.794	20.204.161.477	-	-	111.291.385.830
Tăng khác (*)	-	-	20.105.876.354	-	-	20.105.876.354
Thanh lý (**)	(5.329.837.176)	-	-	-	-	(5.329.837.176)
Số cuối năm	<u>591.660.728.603</u>	<u>110.378.807.451</u>	<u>506.854.757.950</u>	<u>572.975.000</u>	<u>4.239.669.084</u>	<u>1.213.706.938.088</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	26.233.177.449	103.106.871.527	46.637.280.761	572.975.000	-	176.550.304.737
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	230.868.640.982	105.949.568.783	287.101.362.170	526.474.984	3.250.013.232	627.696.060.151
Khấu hao trong năm	30.365.374.533	1.301.745.810	24.345.473.035	46.500.016	339.173.532	56.398.266.926
Tăng khác (*)	-	-	7.705.193.594	-	-	7.705.193.594
Thanh lý (**)	(4.524.623.341)	-	-	-	-	(4.524.623.341)
Số cuối năm	<u>256.709.392.174</u>	<u>107.251.314.593</u>	<u>319.152.028.799</u>	<u>572.975.000</u>	<u>3.589.186.764</u>	<u>687.274.897.330</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	275.505.693.238	3.750.055.874	173.476.180.171	46.500.016	989.655.852	453.768.085.151
Số cuối năm	<u>334.951.336.429</u>	<u>3.127.492.858</u>	<u>187.702.729.151</u>	<u>-</u>	<u>650.482.320</u>	<u>526.432.040.758</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

(*) Tăng khác trong năm là việc điều chỉnh Nguyên giá của "CT cải tạo, nâng cấp tuyến ống DN300 lên DN100 để cung cấp nước cho KĐT VSIP, nhân dân TT Hưng Nguyên" từ Công cụ dụng cụ sang Tài sản cố định.

(**) Thanh lý trong năm bao gồm:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>
Giá trị còn lại Tòa nhà văn phòng cũ, phá dỡ để xây mới	(4.392.397.176)	(3.884.631.421)
Giá trị còn lại Nhà làm việc xí nghiệp Xây lắp, phá dỡ để xây mới	(937.440.000)	(821.176.176)
Cộng	<u>(5.329.837.176)</u>	<u>(4.705.807.597)</u>

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	518.800.000	(381.816.536)	136.983.464
Khấu hao trong năm	-	(24.510.636)	(24.510.636)
Số cuối năm	518.800.000	(406.327.172)	112.472.828

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.800.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy nước Hưng Nguyên	-	14.363.943.503
Dự án sửa chữa bể chứa nước sạch Nhà máy nước Hưng Nguyên	-	10.804.164.546
Dự án Trụ sở văn phòng công ty	-	8.746.868.421
Lắp đặt tuyến ống gang DN300, đường liên xã Đức Thiết cấp nước cho xã Nghi Thịnh, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc	5.979.585.092	-
Các công trình khác	13.753.808.413	958.554.246
Cộng	19.733.393.505	34.873.530.716

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hà Huy	4.085.678.000	4.085.678.000
Dự án hồ lắng bùn Hưng Vĩnh	2.574.854.000	2.574.854.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Đông Đô	199.473.120	1.081.975.870
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	5.429.486.780	2.379.155.600
Công ty TNHH XNK và Đầu tư Phương Thủy	5.011.735.001	3.744.216.719
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	-	1.693.967.463
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô Thị Vinh	8.182.575.503	7.764.001.327
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Nam Nghệ An	10.142.685.000	-
Các nhà cung cấp khác	21.665.408.867	17.695.561.547
Cộng	57.291.896.271	41.019.410.526

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Hưng Nguyên ⁽¹⁾	7.535.000.000	7.535.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Hậu	12.203.000	354.242.000
Chi nhánh công ty CP XD đầu tư cơ sở hạ tầng Phú Thọ	567.000.000	-
Các khách hàng khác	3.482.325.577	2.209.016.489
Cộng	11.596.528.577	10.098.258.489

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc Di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Hiện tại, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Các bên chưa có Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn về việc nghiệm thu, phạt chậm tiến độ (nếu có).

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số phải nộp cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.816.848.049	(2.816.848.049)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.371.292.370	(2.371.292.370)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.368.759	-	1.279.795.212	(1.070.539.711)	241.624.260
Thuế thu nhập cá nhân	63.672.833	-	93.493.650	(128.672.833)	28.493.650
Thuế tài nguyên	35.040.310	-	116.552.880	(142.327.560)	9.265.630
Thuế nhà đất	-	-	141.542.697	(141.542.697)	-
Thuế bảo vệ môi trường	313.195.082	-	3.805.899.051	(3.830.485.542)	288.608.591
Thuế cấp quyền khai thác nguồn nước	-	-	89.191.421	(89.191.421)	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	29.000.000	(27.000.000)	-
Cộng	444.276.984	2.000.000	10.743.707.730	(10.617.900.183)	567.992.131

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch	5%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.114.742.814	1.431.598.445
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	272.083.247	893.357
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.386.826.061	1.432.491.802
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.277.365.212	286.498.360
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.430.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.279.795.212	286.498.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

<u>Khoáng sản</u>	<u>Giá tính thuế đơn vị tài nguyên</u>	<u>Thuế suất</u>
- Nước mặt	2.000 VND/m ³	1%
- Nước dưới đất (nước ngầm)	5.000 VND/m ³	5%

Tiền thuê đất

Theo thông báo số 1475/TB-CT ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 145.195,9 m² được nhà nước giao sử dụng (có thu tiền thuê đất) tại các địa điểm sản xuất, kinh doanh của công ty trên địa bàn tỉnh Nghệ An số tiền 1.196.228.000 VND được miễn giảm 1.088.917.000 VND. Số tiền phải nộp trong năm 2022 là 107.311.000 VND.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.204.694.490	2.087.360.148
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	368.767.308	336.403.444
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	98.907.276	245.240.000
Cộng	1.672.369.074	2.669.003.592

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	212.301.042	203.437.742
Bảo hiểm xã hội	52.054.459	60.102.152
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.093.622	324.215.770
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrexim Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả ông Phan Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	261.043.162	731.859.613
Phải trả phí thoát nước	224.376.180	213.283.489
Phải trả về chi phí nước thô ⁽ⁱ⁾	99.239.825.685	99.239.825.685
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.829.554.246	2.395.618.192
Cộng	104.996.811.405	104.916.905.652

⁽ⁱ⁾ Xem Thuyết minh V.18.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh London ⁽ⁱ⁾	-	12.155.564.765
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	26.666.035.235	26.585.267.556

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.552.093.004	9.552.093.004
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	80.767.679	-
Cộng	<u>26.666.035.235</u>	<u>38.740.832.321</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Chi nhánh London theo các tài khoản tái cấp vốn, qua hồ sơ thu phí của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Vinh với số tiền vay bằng ngoại tệ, số tiền 527.928,98 USD để trả tiền mua ống gang và phụ kiện nhập khẩu, kỳ hạn 360 ngày, lãi suất 2,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.155.564.765	-	(12.484.534.155)	328.969.390	-
Vay dài hạn đến hạn trả	26.585.267.556	26.666.035.235	(26.585.267.556)	-	26.666.035.235
Cộng	<u>38.740.832.321</u>	<u>26.666.035.235</u>	<u>(39.069.801.711)</u>	<u>328.969.390</u>	<u>26.666.035.235</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Bộ Tài chính - Dự án Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	33.282.922.999	42.835.016.003
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	144.781.983.708	161.815.158.260
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án giảm thất thoát nước ^(iv)	1.280.799.648	1.349.729.165
Cộng	<u>179.345.706.355</u>	<u>205.999.903.428</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008.
- (iii) Hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam; Chênh lệch tỷ giá hàng năm Công ty ghi nhận tăng thêm dư nợ gốc vay; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691 VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của ngân hàng ADB. Số dư tại thời điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lữ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

31/12/2021 là phí cam kết khoản vay phải trả 1.349.729.165 VND. Đến thời điểm 31/12/2021 khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	26.666.035.235	38.740.832.321
Trên 1 năm đến 5 năm	102.696.420.855	107.690.799.368
Trên 5 năm	76.649.285.500	98.309.104.060
Cộng	<u>206.011.741.590</u>	<u>244.740.735.749</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	205.999.903.428	232.621.463.066
Chênh lệch tỷ giá	11.838.162	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	<u>(26.666.035.235)</u>	<u>(26.621.559.638)</u>
Số cuối năm	<u>179.345.706.355</u>	<u>205.999.903.428</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả chi phí nước thô	85.718.896.298	54.128.896.298

(*) Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 31/12/2022 phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Dự phòng phải trả ngắn hạn", xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất.

Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 31/01/2021 về trước phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác", số tiền 99.239.825.685 VND (xem Thuyết minh V.16), đơn giá 1.950 VND/m³ trên cơ sở Hợp đồng cung cấp nước thô số 04/2015/HĐ-MBNT ngày 04/02/2015 với Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam. Theo quan điểm của Ban lãnh đạo Công ty, Hợp đồng này dựa trên Thỏa thuận thực hiện cấp nước thô ký giữa UBND Tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam đã bị hủy bỏ nên Hợp đồng cũng không còn hiệu lực và hai bên cần đàm phán ký kết lại Hợp đồng mới. Sau nhiều lần hai bên làm việc không có kết quả, Công ty đã có Văn bản số 15/CNNA-KH ngày 18/01/2021 gửi Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam về việc đề nghị mua nước thô với mức giá hợp lý hơn. Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam không đồng ý với mức giá này và đã khởi kiện vụ việc này ra Tòa án. Hiện Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý vụ kiện và vẫn chưa có phán quyết cuối cùng.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	612.426.665	515.295.038	-	1.127.721.703
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
Cộng	<u>651.247.223</u>	<u>515.295.038</u>	<u>-</u>	<u>1.166.542.261</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.859.830.000	-	880.451.831	374.740.281.831
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.145.100.085	1.145.100.085
Trích lập các quỹ	-	387.191.996	(703.985.447)	(316.793.451)
Số dư cuối năm trước	373.859.830.000	387.191.996	1.321.566.469	375.568.588.465
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	387.191.996	1.321.566.469	375.568.588.465
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	4.834.283.863	4.834.283.863
Trích lập các quỹ	-	806.271.431	(1.321.566.469)	(515.295.038)
Số dư cuối năm nay	373.859.830.000	1.193.463.427	4.834.283.863	379.887.577.290

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Cổ đông khác	128.162.070.000	128.162.070.000
Cộng	373.859.830.000	373.859.830.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 806.271.431
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 515.295.038

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh nước sạch	275.641.958.259	262.646.481.958
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	5.023.550.093	8.046.938.091
Doanh thu khác	1.276.879.141	1.250.126.993
Cộng	281.942.387.493	271.943.547.042

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh nước sạch	212.272.625.640	209.359.763.048
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.232.633.387	3.071.151.640
Cộng	<u>214.505.259.027</u>	<u>212.430.914.688</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.827.778.231	6.331.609.329
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.834.934	26.575.058
Cộng	<u>6.869.613.165</u>	<u>6.358.184.387</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.095.739.514	11.834.896.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	328.969.390	1.134.813.485
Chi phí tài chính khác	9.447	12.586
Cộng	<u>10.424.718.351</u>	<u>12.969.722.299</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	16.270.467.535	14.664.158.300
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.226.082.529	988.929.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.013.386	1.569.457.021
Các chi phí khác	941.970.840	317.115.000
Cộng	<u>19.212.534.290</u>	<u>17.539.659.664</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	25.167.835.703	21.957.921.686
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.711.867.412	330.365.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.388.474.226	281.534.424
Thuế, phí và lệ phí	881.632.498	203.862.486
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	-	1.996.184.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.216.225.520	2.567.359.833
Các chi phí khác	6.516.411.235	6.054.772.376
Cộng	<u>39.882.446.594</u>	<u>33.392.001.523</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.424.945.454	-
Tiền đền bù trạm Quang Trung	-	1.902.531.000
Chi phí bồi thường kẻ chống sạt lở	296.940.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	370.350.170	442.520.106
Vật tư thừa khi kiểm kê	-	7.865.576

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bồi thường của người lao động	217.558.991	103.376.226
Thanh lý vật tư	131.950.000	1.200.000
Thu nhập khác	33.542.757	346.222.907
Cộng	<u>2.475.287.372</u>	<u>2.803.715.815</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.200.000
Xử lý dự án nhà chung cư sau khi đất bị thu hồi	-	3.311.158.444
Chi tiền bồi thường	58.916.785	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	12.083.247	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính	260.000.000	893.357
Xử lý công nợ nước không thu hồi được	3.318.695	11.689.863
Giá trị còn lại của Nhà văn phòng bị phá dỡ	805.249.180	-
Cộng	<u>1.139.567.907</u>	<u>3.324.941.664</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.834.947.602	1.145.100.085
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.175.726.421)	(515.295.038)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<u>(2.175.726.421)</u>	<u>(515.295.038)</u>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.659.221.181	629.805.047
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	<u>37.385.983</u>	<u>37.385.983</u>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>71</u>	<u>17</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do xác định lại quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 45% Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này được tính trên cơ sở trừ số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tỷ lệ trích của năm 2021.		
9b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.921.739.206	73.351.473.322
Chi phí nhân công	75.289.263.450	64.449.807.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.898.154.221	50.697.569.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.691.287.349	62.756.921.676
Chi phí khác	9.361.160.109	12.106.804.286
Cộng	<u>269.161.604.335</u>	<u>263.362.575.875</u>

330

TRẢ KIẾM

02

hnl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	61.000.000	181.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	47.581.000	-	47.581.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	396.641.000	30.000.000	50.000.000	476.641.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	210.598.000	-	20.000.000	230.598.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	486.223.000	-	50.000.000	536.223.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	445.920.000	-	81.420.000	527.340.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	221.822.000	-	20.000.000	241.822.000
Cộng		1.761.204.000	245.581.000	308.420.000	2.315.205.000

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm trước					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	61.000.000	181.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	30.129.000	-	30.129.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	319.406.000	30.000.000	50.000.000	399.406.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Trưởng BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	24.000.000	13.000.000	37.000.000
Bà Võ Thị Thìn	Thành viên BKS	231.908.000	-	20.000.000	251.908.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	432.826.000	21.871.000	50.000.000	504.857.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	366.813.000	-	50.000.000	416.813.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	225.890.000	-	20.000.000	245.890.000
Cộng		1.577.003.000	250.000.000	277.000.000	2.104.003.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lư, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
---------------------------	--------------------

UBND tỉnh Nghệ An	Cổ đông lớn
-------------------	-------------

Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	Cổ đông lớn
------------------------------------	-------------

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

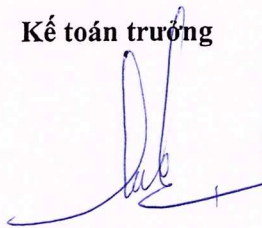
Lập, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

